

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-TNMT ngày 02/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà, địa chỉ trụ sở chính tại số 3 ngõ 484 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng công trình sản xuất CO₂ lỏng” tại đường Phạm Liêu, tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng công trình sản xuất CO₂ lỏng.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà.

1.3. Địa điểm hoạt động: Đường Phạm Liêu, tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101218066, do Phòng đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 08/3/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/10/2020.

Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án 20121000556, do UBND tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 16/10/2014.

1.5. Mã số thuế: 0101218066.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh khí CO₂ lỏng (khí công nghiệp).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại đường Phạm Liễu, tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng 2.564,0 m².

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường¹; cơ sở có phát sinh nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường và có phát sinh chất thải nguy hại trong quá trình vận hành (>1.200 kg/năm).

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)².

+ Cơ sở đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 và hoạt động sản xuất trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành.

- Công suất của cơ sở: Xây dựng dây chuyền sản xuất khí CO₂ lỏng cung cấp cho thị trường Việt Nam, với quy mô 20.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

¹ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

² quy định tại STT2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Cơ sở sản xuất CO₂ lỏng công suất 20.000 tấn/năm” tại đường Phạm Liêu, tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà làm chủ cơ sở và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng công trình sản xuất CO₂ lỏng” tại đường Phạm Liêu, tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà làm chủ cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 451/QĐ-TNMT ngày 20/6/2024 của Giám đốc

Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Đầu tư xây dựng công trình sản xuất CO₂ lỏng” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương; UBND thành phố Bắc Giang; UBND phường Thọ Xương; Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

01 nguồn nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân, người lao động làm việc tại cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận

01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm xả vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang trên địa bàn đường Phạm Liêu, Tổ dân phố số 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.

2.3. Vị trí xả thải: 01 vị trí

Tại hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương (hố ga nằm ngoài hàng rào của cơ sở, trên vỉa hè đường Phạm Liêu, cách cổng cơ sở khoảng 25m về phía Đông).

Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°): X=2356146; Y= 417245.

3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2 m³/ngày đêm.

3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn, chu kỳ xả 5 m³/ngày, thời gian xả 20 phút/m³.

3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt (Cột A, hệ số K =1,2), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 đến 9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2	
11	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn rửa tay được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống dẫn PVC D90 ra rãnh xây B400 thu gom nước thải. Nước rửa sàn nhà vệ sinh được thoát thẳng ra rãnh xây B400 thu gom nước thải. Nước thải từ bồn cầu được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống dẫn PVC D110 xuống bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 11,4 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó thoát ra rãnh xây B400 thu gom nước thải.

Rãnh xây B400 thu gom nước thải dài khoảng 2,5 m thu nước thải sinh hoạt phát sinh về bể gom + điều hòa (kích thước: 0,8mx0,5mx0,7m) trước khi theo đường ống PVC D42 dài khoảng 5,5 m bơm lên ngăn thiếu khí của hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2) trước khi theo đường ống PVC D42 dài khoảng 7,5 m ra bể chứa nước thải sau xử lý (kích thước: 0,245mx0,5mx0,7m) qua công thoát nước thải PVC D110 dài khoảng 3,2 m và đầu vào hố ga hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ MBR.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể gom + điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí kết hợp màng lọc MBR → Ngăn khử trùng (xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2) → Bể chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.

- Công suất thiết kế: 2 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng: 1,2 kg/tháng; Dinh dưỡng Methanol: 05 kg/tháng; Hóa chất vệ sinh màng lọc Javen 10%: 0,2 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải có chuyên môn, nắm rõ cơ chế hoạt động của hệ thống, cũng như nắm được các phương án khắc phục sự cố.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất thiết kế phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, khi đó chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả của bể hiếu khí và màng lọc MBR.

+ Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ cơ sở cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu: Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm.

2.4. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom và điều hòa nước thải sinh hoạt	Lưu lượng, pH, BOD ₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Tổng Coliform	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 16/10/2024	QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: ngày 16/10/2024 - Lần 2: ngày 17/10/2024 - Lần 3: ngày 18/10/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải.

Khí thải phát sinh từ công đoạn chưng luyện CO₂ lỏng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải.

Khí thải từ ống phóng không của công đoạn chưng luyện CO₂ lỏng thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí, tại ống phóng không khí thải của công đoạn chưng luyện CO₂ lỏng.

Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X=2356195, Y= 417233.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 45 m³/giờ, tương đương 1.080 m³/ngày (thời gian làm việc tối đa 24giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Khí thải qua ống phóng không có thành phần là CO₂ và N₂, tuy nhiên trong QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ không quy định thông số CO₂ và N₂ để đo lường, do vậy không yêu cầu về chất lượng khí thải của cơ sở trước khi xả ra môi trường không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống thoát khí thải

Tại công đoạn chưng luyện CO₂ lỏng phát sinh khí CO₂ chưa ngưng tụ và khí trơ N₂ thoát ra môi trường qua ống phóng không của công đoạn chưng luyện (ống thép Φ90, cao 15 m).

1.2. Công trình, thiết bị thoát khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Ống phóng không (ống thép Φ90, cao 15 m) → Môi trường.

Tại công đoạn chưng luyện CO₂ lỏng gồm 2 thiết bị (tháp chưng và thiết bị sôi lại), khi đó CO₂ từ thiết bị ngưng tụ ở công đoạn trước được đưa vào giữa

tháp chung, tại tháp chung khí CO₂ chưa ngưng tụ và khí trơ N₂ có trong CO₂ lỏng được thoát ra bay lên đỉnh tháp chung, còn CO₂ lỏng chảy xuống tháp chung và được đưa sang thiết bị sôi lại. Tại thiết bị sôi lại CO₂ lỏng được nguồn nhiệt nóng của khí NH₃ cung cấp, nhiệt độ CO₂ lỏng tăng thêm 2-3°C (còn -25°C đến -26°C). Khi nhiệt độ CO₂ tăng, khí CO₂ chưa ngưng tụ và khí trơ N₂ tiếp tục thoát ra khỏi CO₂ lỏng, độ thuần CO₂ tăng lên $\geq 99,95\%$ và được đưa vào bồn chứa để bơm cấp cho khách hàng. Tại công đoạn chung luyện CO₂ lỏng có phát sinh khí CO₂ chưa ngưng tụ (chiếm tỷ lệ khoảng 1% của khí CO₂ nguyên liệu 98,5%) và khí trơ N₂ (chiếm tỷ lệ tối đa khoảng 1,5% khí CO₂ nguyên liệu) thoát ra môi trường với lưu lượng khoảng 40÷45 m³/h (theo điều kiện công nghệ của dây chuyền sản xuất) thoát qua ống phóng không của công đoạn chung luyện (ống thép Φ90, cao 15 m).

Do trong QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, không quy định thông số CO₂ và N₂, nên không có cơ sở để đối chiếu thành phần khí thải từ ống phóng không của cơ sở với QCVN 19:2009/BTNMT nêu trên. Chủ cơ sở không phải bố trí công trình xử lý khí thải từ ống phóng không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống thoát khí thải

- Đầu tư hệ thống đường dẫn khí đảm bảo an toàn từ Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc sang dây chuyền sản xuất của cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, định kỳ kiểm định máy móc, thiết bị cần kiểm định,... trong dây chuyền sản xuất để phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, tránh phát tán khí ra ngoài môi trường như:

+ Để phòng chống sự cố cháy nổ, rò rỉ khí: Áp suất làm việc của từng máy móc, thiết bị luôn được cài đặt nhỏ hơn áp suất thiết kế để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.

+ Công nhân trực tiếp thao tác vận hành dây chuyền sản xuất được đào tạo kiểm tra đạt yêu cầu mới được thao tác vận hành, cấm người không phận sự vào khu vực nguy hiểm và có biển cảnh báo; trước khi vận hành máy, kiểm tra nguồn điện cung cấp cho máy hoạt động, kiểm tra cảm quan khu vực làm việc, kiểm tra các phương tiện phòng cháy chữa cháy và thông tin liên lạc.

+ Bồn chứa NH₃ lỏng, CO₂ lỏng và hệ thống liên quan cần phải được thường xuyên kiểm tra và giám sát.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành dây chuyền sản xuất tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống thoát khí thải

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời tạm dừng hoạt động và thông báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Tạm dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Khi xảy ra sự cố NH₃ rò rỉ ra môi trường ở mức độ nhỏ, người vận hành trực tiếp phải xử lý theo quy trình vận hành đã được ban hành. Nếu NH₃ rò rỉ ra môi trường lớn có thể xảy ra sự cố lớn như vỡ đường ống, van dẫn NH₃ khí (lỏng) làm môi trường có mùi NH₃ đậm đặc thì người vận hành trực tiếp dùng mọi biện pháp (đeo mặt nạ Oxy ống dài, găng tay chuyên dùng và khăn ướt ...) để tiến đến nơi có thể đóng (khóa) van cách ly nguồn cấp NH₃ đến vị trí sự cố, mở quạt thông gió và dùng nước phun mưa toàn bộ hệ thống để hòa tan và pha loãng NH₃. Đồng thời phải nhanh chóng di chuyển thoát ra khỏi khu vực rò rỉ theo hướng ngược chiều gió bằng cách chạy (nếu nồng độ NH₃ thấp) hoặc bò thấp, trườn để tránh luồng NH₃, bịt mũi bằng khẩu trang ướt và rời khỏi nơi ô nhiễm. Khẩn trương báo với lãnh đạo công ty, nhóm chức năng phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố hóa chất đến làm nhiệm vụ cứu nạn cứu hộ và xử lý sự cố.

- Khi phát hiện rò rỉ CO₂ lập tức đóng van nguồn nếu có thể và báo ngay cho cán bộ phụ trách đơn vị, treo biển báo rò rỉ hóa chất tại nơi xảy ra rò rỉ, nghiêm cấm ra vào khu vực rò rỉ, chỉ những người có trách nhiệm được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ tương ứng mới được vào khu vực. Lượng hóa chất tràn ra ngoài tùy từng tình huống cụ thể mà dùng cát, đất đập vào nơi bị tràn, rò rỉ để cách ly, ngăn không cho tràn vào hệ thống cống rãnh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Thường xuyên vận hành dây chuyền sản xuất, công trình hệ thống thoát khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo không gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống thoát khí thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động của quạt tăng áp trong nhà xưởng sản xuất của cơ sở;

- Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí CO₂ trong nhà xưởng sản xuất của cơ sở;

- Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển khí CO₂ lỏng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107⁰, múi chiều 3⁰).

- Vị trí số 01: Tại khu vực quạt tăng áp trong nhà xưởng sản xuất. Tọa độ X=2356202, Y=417245;

- Vị trí số 02: Tại khu vực máy nén khí CO₂ trong nhà xưởng sản xuất. Tọa độ X=2356191, Y=417246;

- Vị trí số 03: Tại khu vực bơm xuất khí CO₂ lỏng. Tọa độ X=2356167, Y=417214.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

- Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn. Thực hiện đầy đủ chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Trồng rải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh và giúp cải thiện môi trường không khí.

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Yêu cầu công nhân tắt máy, dắt bộ đối với xe máy khi ra vào cơ sở. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe nếu không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
2	Dầu thải	Lỏng	700	17 02 03
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	70	18 02 01
4	Vỏ thùng, can nhựa thải	Rắn	5	18 01 03
5	Than hoạt tính đã sử dụng trong quá trình khử H ₂ S	Rắn	1.331	02 11 02
	Tổng cộng		2.107	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên: Không phát sinh.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10 kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 04 thùng chứa dung tích từ 50 lít đến 100 lít để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chứa chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định (tần suất tối thiểu 06 tháng/lần). Riêng đối với than hoạt tính đã qua sử dụng (than thay ra khoảng 9 m³/lần/05 năm) cho vào bao tải chứa, buộc kín, đặt trên palet chông ngâm nước và được tập kết tạm thời

tại kho chứa chất thải nguy hại trong khoảng 1 đến 2 tuần, sau đó chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải có diện tích 12m² (kích thước: 2mx6m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng, bên cạnh nhà vệ sinh.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: tường, mái bán tôn, nền đổ bê tông có gờ chống tràn 15cm, sàn lót đệm mút thấm hút chất thải dạng lỏng để phòng ngừa ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố. Kho chứa có cửa ra vào, ngoài cửa có lắp biển cảnh báo nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí khoảng 06 thùng rác có nắp đậy, dung tích 10 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh.

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải sinh hoạt có nắp đậy, dung tích khoảng 100 lít/thùng đặt tại khu vực công cơ sở, thuận tiện cho đơn vị vệ sinh môi trường đến thu gom, vận chuyển mang đi xử lý.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định, với tần suất 01 lần/ngày.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thoát khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động của cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, hệ số K =1,2), trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành công trình thoát khí thải của cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất theo đúng nội dung được cấp phép, đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 388/TTr-TNMT ngày 02/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.